



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023**

Ngày 26 tháng 04 năm 2023

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022**

#### **I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **a. Tình hình chung**

Công ty Cổ phần Văn Hoá Tân Bình (Alta) đã trải qua chặng đường hơn 30 năm để xây dựng và trưởng thành với nhiều khó khăn và thách thức. Tuy nhiên với sự nỗ lực và quyết tâm, Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BDH) và toàn thể các thành viên đã đưa công ty ngày càng phát triển và khẳng định thương hiệu khá tốt trên thị trường.

Trong năm, khi dịch bệnh Covid qua đi đã để lại những yếu tố bất lợi không nhỏ, Công ty vừa mới khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh; tiếp theo đó lại bị ảnh hưởng bởi tình trạng lạm phát, kéo theo tỷ giá giữa đồng USD/VND tăng mạnh, tỷ giá USD/VND ngày 01/01/2022: 22.920VNĐ; đỉnh điểm tỷ giá USD/VND ở tháng 10/2022: 24.888VNĐ đã tăng 8.5% so với đầu năm. Lãi suất vay ngân hàng thời điểm đầu năm trung bình 6%, cuối năm đã lên 10% - 12%.

Các yếu tố trên đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

##### **b. Kết quả sản xuất kinh doanh**

*ĐVT: đồng*

STT	CHỈ TIÊU	2021	2022	TH 2022/2021
1	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>224.346.045.177</b>	<b>261.691.896.195</b>	116,6%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.381.669.227	175.976.250	12,7%
3	<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>222.964.375.950</b>	<b>261.515.919.945</b>	117,3%
4	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>184.206.551.660</b>	<b>218.079.654.906</b>	118,4%
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>38.757.824.290</b>	<b>43.436.265.039</b>	112,1%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.087.613.001	4.342.997.330	140,7%
7	Chi phí tài chính	2.151.747.620	3.283.490.720	152,6%
8	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	341.976.294	1.151.891.630	336,8%
9	Chi phí bán hàng	11.820.929.605	11.877.062.483	100,5%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.751.335.506	22.686.702.883	109,3%
11	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.463.400.854</b>	<b>11.083.897.913</b>	148,5%
12	Thu nhập khác	98.762.211	468.763.235	474,6%

13	Chi phí khác	1.559.779.139	222.454.868	14,3%
14	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(1.461.016.928)</b>	<b>246.308.367</b>	
15	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.002.383.926</b>	<b>11.330.206.280</b>	188,8%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	741.390.428	2.456.916.173	331,4%
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(558.780.717)	
18	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.260.993.498</b>	<b>9.432.070.824</b>	179,3%
19	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>917</b>	<b>1.644</b>	179,3%

**c. Phân tích cơ cấu kinh doanh năm 2022**

Đvt: triệu đồng

NGÀNH	2020		2021		2022	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	2077	-205				
Bao bì Nhựa	150.122	23.997	147.107	15.723	158.432	14.972
Khăn giấy, thương mại	3.251	125	33.604	12.491	34.525	14.792
Doanh thu từ mảng phần mềm			4.991	0,22	14.189	1.966
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	36.972	2.628	37.262	10.544	54.370	11.706
<b>Cộng</b>	<b>192.422</b>	<b>26.545</b>	<b>222.964</b>	<b>38.758</b>	<b>261.516</b>	<b>43.436</b>

NGÀNH	TỶ TRỌNG 2020		TỶ TRỌNG 2021		TỶ TRỌNG 2022	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	1,08%	-0,77%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Bao bì Nhựa	78,02%	90,40%	65,98%	40,57%	60,58%	34,47%
Khăn giấy, thương mại	1,69%	0,47%	15,07%	32,23%	13,20%	34,05%
Doanh thu từ mảng phần mềm	0,00%	0,00%	2,24%	0,00%	5,43%	4,53%
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	19,21%	9,90%	16,71%	27,20%	20,79%	26,95%
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

- Doanh thu ngành nhựa tăng nhẹ nhưng lợi nhuận không tăng tương ứng do tình hình giá nguyên vật liệu ngành nhựa trong năm tăng mạnh, tỷ giá USD/VND tăng.

- Ngành sản xuất khăn giấy, thương mại doanh thu bình ổn.
- Ngành truyền thông, giải trí và các dịch vụ khác đang dần lấy lại thị trường sau nạn dịch.

#### d. Chiến lược kinh doanh

- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ngành nhựa và công nghệ.
- Tăng cường đầu tư tài sản và trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở cải tiến và chế tạo mới.
- Triển khai quảng bá thương hiệu với nhiều hình thức công nghệ mới như robot ...

#### e. Sản phẩm mới

- Ngành nhựa :
  - Nâng cấp và chế tạo máy mới với công nghệ thổi màng 2 lớp khổ lớn 1m với hệ thống cào đùn tốc độ cao chạy đa dạng nguyên liệu nhựa và thiết kế gọn trên thổi dưới cắt để tiết kiệm mặt bằng.
  - Trong năm 2022 đã thành công trong việc phát triển thêm mặt hàng mới là túi phân hủy sinh học kết hợp vô cơ và hữu cơ.
- Ngành truyền thông :
  - Tập trung nghiên cứu và kinh doanh các sản phẩm phần mềm theo yêu cầu đặt hàng.
  - Sản xuất và lắp đặt hệ thống trình chiếu màn hình nước tại Công viên Văn hóa Đầm Sen.
  - Sản xuất các robot theo yêu cầu quảng bá của các nhãn hàng lớn.

## II. Tình hình đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Đvt: đồng

Năm 2022	Giá trị ALTA đầu tư đến 31/12/2022
<b>Công ty con</b>	
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	20.000.000.000

007  
TY  
AN  
DA  
INI  
HO C

Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20.000.000.000
Công ty Phát triển Phần mềm Âu Lạc	5.000.000.000
<b>Công ty liên kết</b>	
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	24.234.542.850

### III. Chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	So sánh
Tổng Tài sản		276.575.206.242	312.303.334.849	112,9%
Doanh thu thuần	VNĐ	222.964.375.950	261.515.919.945	117,3%
Lợi nhuận gộp	“	38.757.824.290	43.436.265.039	112,1%
Lợi nhuận từ Hoạt động SXKD (bao gồm lãi / lỗ liên doanh liên kết)	“	7.463.400.854	11.083.897.913	148,5%
Lợi nhuận khác	“	(1.461.016.928)	246.308.367	
Lợi nhuận trước thuế	“	6.002.383.926	11.330.206.280	188,8%
Lợi nhuận sau thuế	“	5.260.993.498	9.432.070.824	179,3%
EPS	“	917	1.644	179,3%
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,65	2,22	83.7%
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,23	1,64	73.5%
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	22,27	29,79	133.8%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	28,65	42,43	148.1%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,24	5,96	95.5%



Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,81	0,84	103.7%
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,36	3,61	153%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,45	4,30	175.5%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,90	3,02	159%
Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,19	3,80	119.1%

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư của mình. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều rất tốt. Đa phần các khoản nợ phải trả phát sinh do quá trình sản xuất kinh doanh thông thường như phải trả người bán, người mua trả tiền trước hay các khoản còn phải trả cho người lao động.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy Công ty đang có tình hình tài chính ổn định và lành mạnh, đồng thời cần tập trung đẩy mạnh khâu kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, từ đó nâng cao khả năng sinh lời của Công ty hơn nữa.

#### IV. Tình hình nhân sự

Tính đến 31/12/2022, Công ty có 367 lao động, tăng 11 % so với năm trước.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2021	Tỷ lệ 2021	Số lượng 2022	Tỷ lệ 2022
I	Theo trình độ	330	100%	367	100%
1	Đại học	53	16,06%	70	19,07%
2	Cao đẳng	58	17,58%	68	18,53%

3	Trung cấp	18	5,45%	12	3,27%
4	Phổ thông trung học trở xuống	201	60,91%	217	59,13%
<b>II</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>330</b>	<b>100%</b>	<b>367</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	235	71,21%	211	57,49%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	95	28,79%	153	41,69%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0%	3	0,82%

Chính sách đãi ngộ người lao động của Công ty gắn liền kết quả làm việc với lương thưởng. Năm qua công ty tiếp tục sử dụng công cụ KPI để đánh giá công việc. Ban lãnh đạo và các bộ phận nhân sự, tài chính kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho CBCNV đúng hạn. Lương bình quân của Công ty năm 2022 là 10.918.000đ tăng 10% so với năm trước do sản lượng, doanh số tăng.

ALTA đảm bảo việc thực hiện các quy định của Bộ Luật lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chế thai sản, nghỉ lễ tết, thời gian nghỉ ngơi... và các văn bản pháp luật liên quan để CBCNV có thể yên tâm làm việc. Ngoài ra công ty còn thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên, tổ chức tham quan nghỉ mát để tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong tập thể ALTA.

Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động. Toàn bộ CBCNV của ALTA đều phải tham gia tập huấn phòng chống cháy nổ, thoát hiểm, sơ cấp cứu. Đối với khối sản xuất, công nhân và nhân viên phải mặc trang phục bảo hộ lao động, đảm bảo quy trình làm việc và tuân thủ sự giám sát của các cấp quản lý để giảm thiểu tối đa rủi ro xảy ra trong quá trình lao động. Trong năm 2022 không có trường hợp tai nạn lao động xảy ra tại công ty do BCH Công đoàn phối hợp với BLĐ thực hiện tốt các biện pháp nhắc nhở, kiểm tra an toàn vệ sinh lao động thường xuyên.

Với một công ty có thời gian hoạt động lâu dài và định hướng phát triển dài hạn như ALTA, việc thiết lập văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại là hết sức cần thiết. Vì vậy mà những năm qua, Công ty đã rà soát lại chế độ đãi ngộ nhân viên, tạo dựng các giá trị văn hóa trong Công ty, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng không ngoài mục tiêu xây dựng ngôi nhà ALTA thân thiện, chuyên nghiệp và vững vàng.

50142  
CÔNG  
CỐ PH  
VĂN H  
N B  
11-TP.V

Bên cạnh đó, BCH Cơ sở Công đoàn ALTA luôn cùng với BĐH quan tâm đến đời sống tinh thần cũng như chăm lo cuộc sống của người lao động nên liên tục nhiều năm liền đạt thành tích CĐCS Vững mạnh Xuất sắc. Được nhận Cờ thi đua 5 năm liên tục từ 2018-2022 là CĐCS Hoàn thành Xuất sắc Nhiệm vụ do LĐLĐ TP.HCM trao tặng.

## B. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

### I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Năm 2022 vẫn còn ảnh hưởng bởi đại dịch CoVid-19 nên Công ty phải xoay chuyển kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Ngành nhựa tuy doanh số ổn định nhưng lợi nhuận biến động do giá nguyên liệu tăng cao do tỷ giá USD tăng mạnh.

Các ngành truyền thống của công ty đã từng bước khôi phục doanh thu nhưng vẫn chưa khởi sắc như mong muốn.

Ngành kinh doanh dịch vụ tuy doanh thu có tăng so với năm 2021 nhưng vẫn chưa phục hồi đáng kể.

### II. Phân tích tình hình tài chính năm 2022

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
<b>Tổng tài sản</b>	<b>276.575.206.242</b>	<b>312.303.334.849</b>	<b>12,9%</b>
Tài sản ngắn hạn	155.703.611.540	198.634.603.582	27,6%
Tài sản dài hạn	120.871.594.702	113.668.731.267	-6,0%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	56,30%	63,60%	13,0%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	43,70%	36,35%	-16,8%
<b>Tổng nợ</b>	<b>61.594.537.161</b>	<b>93.041.519.572</b>	<b>51,1%</b>
Nợ ngắn hạn	58.763.766.380	89.659.584.401	52,6%
Nợ dài hạn	2.830.770.781	3.381.935.171	19,5%
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	22,27%	29,79%	33,8%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>276.575.206.242</b>	<b>312.303.334.849</b>	<b>12,92%</b>
Vốn chủ sở hữu	214.980.669.081	219.261.815.277	2,0%
Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	77,73%	70,11%	-9,8%
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,36%	3,61%	53,0%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,45%	4,30%	75,5%

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,90%	3,02%	58,9%
Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần	3,19%	3,80%	19,1%

**a. Phân tích tài sản**

Tỷ suất đầu tư ngắn hạn năm 2022 tăng từ 56,30% lên 63,60%, tỷ suất đầu tư tài sản dài hạn năm 2022 giảm từ 43,70% xuống 36,35%. Những thay đổi này không đáng kể.

Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định là 2,77 lần. Đây là chỉ tiêu nói lên sự ổn định về tài chính của Công ty.

**b. Phân tích nguồn vốn**

Nợ ngắn hạn tăng từ 59 tỷ lên 90 tỷ (tăng lượng hàng tồn kho để chuẩn bị hàng giao tết) và đòn cân nợ tăng từ 0,29 lên 0,42.

Vốn chủ sở hữu tăng 2% (do tăng lợi nhuận trong năm).

**c. Phân tích tình hình công nợ**

Khoản phải thu ngắn hạn từ bán hàng tăng từ 55,7 tỉ lên 70,7 tỷ, (Do doanh số bán hàng vào thời điểm cuối năm tăng mạnh) khoản phải trả ngắn hạn cũng tăng từ 58,7 tỷ lên 89,6 tỷ (Do tăng lượng hàng tồn kho, chuẩn bị hàng hóa bán trước và sau tết)

Vòng quay các khoản phải thu là 4,1 vòng, số ngày trung bình để thu được khoản phải thu là 87 ngày là do công ty có chính sách trả chậm với 1 số tập đoàn bán lẻ lớn. Điều này cũng nói lên tình hình cạnh tranh mạnh mẽ trên thương trường.

Trên đây là một số phân tích và đánh giá của BGD - BDH công ty sau khi nhìn lại hoạt động điều hành năm 2022 của mình một cách nghiêm túc, khách quan và trung thực.


**TM. BAN ĐIỀU HÀNH**  
**HOANG MINH ANH TÚ**  
 Tổng Giám Đốc